

Môn: TOÁN – Khối: 10

1. **Hình thức:** Tự luận
2. **Thời gian:** 60 phút
3. **Số lượng câu hỏi:** theo ma trận
4. **Nội dung giới hạn/Cấu trúc đề dự kiến**

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng: • Tọa độ của vector • Phương trình đường thẳng. • Phương trình đường tròn. • Ba đường Conic trong mp tọa độ	Nhận biết: - Nhận biết được tọa độ của vector đối với một hệ trục tọa độ. - Nhận biết được phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ; VT chỉ phương, VT pháp tuyến. - Biết công thức tính góc giữa 2 đường thẳng, công thức tính khoảng cách từ điểm đến đường thẳng. - Nhận dạng được phương trình đường tròn trong mặt phẳng tọa độ. - Nhận biết được các đường conic bằng hình học. - Nhận biết được phương trình chính tắc của các đường conic trong mặt phẳng tọa độ. Thông hiểu: - Tìm được tọa của một vector, độ dài của một vector khi biết tọa độ hai đầu mút của nó. - Viết phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng trường hợp đơn giản - Xác định được hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau, vuông góc với nhau bằng phương pháp tọa độ. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp tọa độ. - Viết được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và bán kính; biết tọa độ ba điểm mà đường tròn đi qua; xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình của đường tròn. - Tìm các yếu tố của các đường conic Vận dụng : - Sử dụng được biểu thức tọa độ của các phép toán vector trong tính toán. - Viết phương trình tham số, phương trình tổng quát của đường thẳng. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đường tròn tìm tọa độ của tiếp điểm. - Viết phương trình chính tắc của các đường conic	2	1	1	0

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		- Vận dụng được phương pháp tọa độ vào bài toán giải tam giác. - Vận dụng được kiến thức về tọa độ của vectơ để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: vị trí của vật trên mặt phẳng tọa độ,...) - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường thẳng để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn. - Viết phương trình tiếp tuyến của đường tròn (C), tìm tọa độ các tiếp điểm, độ dài đoạn thẳng nối hai tiếp điểm. - Vận dụng được kiến thức về phương trình đường tròn để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động tròn trong Vật lí,...) - Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường parabol				
2	Đại số tổ hợp: • Quy tắc cộng-quy tắc nhân • Hoán vị-chỉnh hợp-tổ hợp. • Nhị thức Newton. • Xác suất của biến cố.	Nhận biết: - Nhận biết quy tắc cộng và quy tắc nhân. - Nhận biết các khái niệm hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp. - Nhận biết được các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp trong những tình huống thực tế đơn giản - Biết công thức khai triển nhị thức Niuton - Biết khái niệm không gian mẫu, biến cố Biết công thức tính xác suất của biến cố Nhận biết được biến cố đối và tính được xác suất của biến cố đối. Thông hiểu: - Vẽ và sử dụng được sơ đồ hình cây trong mô tả, trình bày, giải thích khi giải các bài toán đơn giản. - Tính được số các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. Sử dụng các công thức này khai triển các nhị thức Newton với số mũ thấp ($n \leq 5$) Mô tả được không gian mẫu, biến cố trong một số thí nghiệm đơn giản Mô tả được tính chất cơ bản của xác suất. Vận dụng Tính được xác suất trong một số thí nghiệm lặp bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây. Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán Vận dụng cao	2	2	1	1

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		- Tìm n thỏa ptnh chỉnh hợp, tổ hợp - Vận dụng được quy tắc cộng và quy tắc nhân để giải những bài toán đếm trong tình huống thực tế đơn giản -- Vận dụng được khái niệm hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp để giải những bài toán đếm trong tình huống thực tế đơn giản				
			4	3	2	1

5. Dặn dò thêm:

Bài elip: cho ptnh elip tìm các yếu tố đặc biệt (ko có tâm sai)

Đường tròn: Cho ptnh đường tròn, tìm tâm, bán kính, viết ptnh tiếp tuyến (tiếp tuyến tại điểm A thuộc đường tròn, tiếp tuyến song song, vuông góc, hệ số góc k). Nếu tìm tiếp điểm: bắt buộc ghi được hệ ptnh đthang và ptnh đtròn; có dòng biến đổi ptnh rút thế bấm máy ra nghiệm được Nhị thức newton 1đ, khai triển đến bậc 4,5.

Tìm n thỏa ptnh chỉnh hợp, tổ hợp (giống bài toán bắt tay, đường chéo,...).

Môn: NGỮ VĂN – Khối: 10

1. Hình thức: Tự luận

2. Thời gian: 90 phút

3. Nội dung giới hạn/Cấu trúc đề dự kiến:

I. ĐỌC – HIỂU: 6.0 điểm

- Hình thức: Câu hỏi tự luận trả lời ngắn gọn: 6.0 điểm; số lượng: 4 - 6 câu hỏi.

- Phạm vi ngữ liệu: Văn bản truyện (truyện ngắn/ đoạn trích) hoặc văn bản thông tin nằm ngoài 3 bộ SGK hiện hành.

- Phạm vi kiến thức:

+ Bài 7 – Quyền năng của người kể chuyện

+ Bài 8 – Thế giới đa dạng của thông tin

+ Tri thức Ngữ văn

+ Thực hành Tiếng Việt

- Mức độ kiểm tra, đánh giá: nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

II. LÀM VĂN: 4.0 điểm

- Hình thức: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Mức độ kiểm tra, đánh giá: Thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao

Môn: TIẾNG ANH – Khối: 10

1. **Hình thức:** Trắc nghiệm và tự luận
2. **Thời gian:** 60 phút
3. **Số lượng câu hỏi:** 50 câu (30 câu trắc nghiệm, 20 câu tự luận)
4. **Giới hạn ôn tập**

A. MULTIPLE CHOICE

1. PHONETICS & STRESS (4 câu)
2. WORD CHOICE –GRAMMAR (16 câu)
 - * Vocabulary (Units 5 →8)
 - * Relative clauses (relative pronouns & adverbs; defining & non-defining relative clauses)
 - * If clauses (the first and second conditional)
 - * Verb tenses (will, be going to, past perfect, present perfect, simple past)
 - * Reported speech
 - * Passive voice (simple present, simple past, present perfect, future, modal verbs)
- a. Sentence (10 câu)
- b. Paragraph 1 (3 câu)
- c. Paragraph 2 (3 câu)
3. GAP – FILL (5 câu)
4. READING (5 câu)

B. WRITING

1. GAPPED TEXT (sentences or phrases) (5 câu)
2. VERB FORM (Verb +infinitive, -ing form or bare form) (5 câu)
3. WORD FORM SBT (5 câu, Units 7&8)
4. TRANSFORMATION (5 câu)
 - Rewrite a sentence using words/ phrases in brackets

Môn: LỊCH SỬ – Khối: 10

1. **Hình thức:** Trắc nghiệm
 2. **Thời gian:** 45 phút
 3. **Số lượng câu hỏi:** 30 câu
 4. **Ma trận đặc tả/Giới hạn ôn tập:**
 - Bài 12: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc
 - Bài 13: Văn minh Chăm-pa
 - Bài 14: Văn minh Phù Nam
 - Bài 15: Văn Minh Đại Việt
-

Môn: VẬT LÝ – Khối: 10

1. **Hình thức:** Tự luận.
 2. **Thời gian:** 45 phút.
 3. **Số lượng câu hỏi:** 05 câu, trong đó:
 4. **Nội dung giới hạn:** Gồm các bài sau:
 - . Thế năng, động năng, bảo toàn cơ năng.
 - . Bảo toàn động lượng và bài toán va chạm.
 - . Chuyển động tròn và lực hướng tâm
 - . Biến dạng vật rắn và lực đàn hồi
 5. **Dặn dò thêm:**
 - Lớp 10CL thi tập trung và làm đề riêng theo nội dung do giáo viên bộ môn qui định.
 - Lớp 10TH thi tập trung và làm đề riêng.
 - Lớp 10VL kiểm tra tại lớp, đề do giáo viên.
-

Môn: HÓA HỌC – Khối: 10

1. **Hình thức:** Trắc nghiệm 28 câu + Tự luận
 2. **Thời gian:** 45 phút
 3. **Số lượng câu hỏi:**
 - 28 câu trắc nghiệm.
 - 03 câu tự luận (trong đó phần chung 02 câu, phần riêng 01 câu).
 4. **Ma trận đặc tả:** file gửi kèm.
 5. **Giới hạn ôn tập/Dặn dò thêm (nếu có):**
 - Chương 4: Phản ứng oxi hóa - khử (bài 12).
 - Chương 5: Năng lượng hóa học (bài 13, 14).
 - Chương 6: Tốc độ phản ứng hóa học (bài 15, 16).
 - Chương 7: Nguyên tố nhóm VIIA - Halogen (bài 17, 18).
-

Môn: SINH HỌC – Khối: 10

1. Hình thức: Trắc nghiệm

2. Thời gian: 45 phút

3. Số lượng câu hỏi: 40 câu

4. Ma trận đặc tả/Giới hạn ôn tập

*** Giới hạn ôn tập: Bài 17 – bài 21.**

*** Khung ma trận**

TT	Bài	Nội dung	Mức độ đánh giá				Số câu hỏi
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Bài 17. Vi sinh vật và các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật.	- Khái niệm VSV.	1				10
		- Đặc điểm của VSV.	1	1			
		- Các kiểu dinh dưỡng ở VSV.	1	1	1		
		- Một số phương pháp nghiên cứu VSV.	1	1	1	1	
2	Bài 18. Sinh trưởng và sinh sản ở vi sinh vật.	- Khái niệm sinh trưởng của VSV.	1				10
		- Các pha sinh trưởng của quần thể VK.	1	1	1	1	
		- Sinh sản của vi sinh vật.	1				
		- Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản của VSV.	1	1	1	1	
3	Bài 19. Quá trình tổng hợp, phân giải ở vi sinh vật và ứng dụng.	- Quá trình tổng hợp ở VSV.	1	1		0	6
		- Quá trình phân giải ở VSV.	2	1	1		
4	Bài 20. Thành tựu của công nghệ vi sinh vật và ứng dụng của vi sinh vật.	- Khái niệm công nghệ VSV.	1			0	6
		- Cơ sở khoa học của việc ứng dụng VSV trong thực tiễn.		1			
		- Một số ứng dụng của VSV trong thực tiễn.	2	1	1		
5	Bài 21. Khái niệm, cấu tạo và chu trình nhân lên của virus.	- Khái niệm virus.	1				8
		- Đặc điểm của virus.	1				
		- Cấu tạo của virus.		1	1		
		- Chu trình nhân lên của virus.		2	1	1	
Tổng câu			16	12	8	4	40
Tỉ lệ			40%	30%	20%	10%	100%

Môn: ĐỊA LÍ – Khối: 10

1. Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận

2. Thời gian: 45 phút

3. Số lượng câu hỏi: 18 câu (trong đó phần trắc nghiệm 16 câu, phần tự luận 02 câu)

4. Ma trận đặc tả/Giới hạn ôn tập

Nhận biết: (16 câu – 4,0 điểm)

- Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. (1 câu)
- Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí; quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. (11 câu)
- Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ. (4 câu)

Thông hiểu: (Câu 17 – 3,0 điểm)

- Trình bày được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới.
- Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.
- Trình bày được vai trò của dịch vụ.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.

Vận dụng: (Câu 18a – 2,0 điểm)

- Trình bày được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.
- Giải thích được sự phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.
- Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.
- Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.
- Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.

Vận dụng cao: (Câu 18b – 1,0 điểm)

Trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.

Môn: GD KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT – Khối: 10

- 1. **Hình thức:** Tự luận
- 2. **Thời gian:** 45 phút
- 3. **Số lượng câu hỏi:** 6 câu
- 4. **Ma trận đặc tả/Giới hạn ôn tập**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Số CH	Thời gian (phút)	
			Số CH	Số CH	Số CH	TL		
1	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị	2	1	1	3		50
	Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Pháp luật và đời sống	2	1	1			
Tổng điểm			4	4	2	6	45	100
Tỉ lệ (%)			40	40	20	100	45	100
Tỉ lệ chung (%)			80		20	100	45	100

LỊCH KIỂM TRA TẬP TRUNG CUỐI KÌ 2 (NĂM HỌC 2023 – 2024)

Ngày	Buổi	Môn	Thời gian	Giờ HS có mặt	Phát đề	Bắt đầu tính giờ
Thứ Bảy (04/5)	Sáng	TIẾNG ANH - TN + TL	60 phút*	08 giờ 40	09 giờ 00	09 giờ 05
Thứ Ba (07/5)	Sáng	NGŨ VĂN - TL	90 phút	07 giờ 00	07 giờ 20	07 giờ 25
		LỊCH SỬ - TN	45 phút		09 giờ 30	09 giờ 35
Thứ Năm (09/5)	Sáng	TOÁN - TL	60 phút	07 giờ 00	07 giờ 20	07 giờ 30
		VẬT LÝ/GD KT&PL - TL	45 phút		09 giờ 05	09 giờ 10
Thứ Bảy (11/5)	Sáng	HÓA HỌC/ĐỊA LÝ - TN+TL	45 phút*	07 giờ 00	07 giờ 20	07 giờ 25
		SINH HỌC - TN	45 phút	08 giờ 25	08 giờ 45	08 giờ 50

*** Lưu ý:**

- Học sinh đến trễ hơn giờ phát đề 15 phút sẽ không được dự kiểm tra.
- Các môn kết hợp trắc nghiệm và tự luận có 05 phút thu bài trắc nghiệm và phát giấy tự luận.
- Lịch kiểm tra bổ sung sẽ công bố vào buổi kiểm tra chính thức cuối cùng.